

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG SINGAPORE

Người liên hệ: Nguyễn Nam
Tel: 04.35742022 ext 247
Email: namn@vcci.com.vn

3.2020

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG SINGAPORE

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1. Các thông tin cơ bản	3
2. Lịch sử	4
3. Du lịch:.....	4
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ	5
1. Tổng quan:	5
2. Các chỉ số kinh tế:.....	6
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:	6
1. Văn bản ký kết:	9
2. Hợp tác thương mại	9
3. Tình hình đầu tư:.....	12
4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:	12
5. Tập quán Kinh doanh:.....	13
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM	14
1. Quan hệ ngoại giao:	14
2. Quan hệ chính trị:.....	14
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI	14
1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết.....	14
2. Các hoạt động đã triển khai	14
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH	15

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Singapore

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Singapore

I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ:	Cộng Hòa Xinh-ga-po (Singapore)
Thể chế chính trị:	Cộng hoà Nghị viện
Đứng đầu nhà nước:	Tổng thống HALIMAH Yacob
Đứng đầu chính phủ:	Thủ tướng Lý Hiền Long (Lee Hsien Loong) từ ngày 12/8/2004
Tham gia các tổ chức Quốc tế:	ADB, AOSIS, APEC, ARF, ASEAN, BIS, C, CP, EAS, FATF, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICRM, IDA, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC, MIGA, NAM, OPCW, PCA, UN, UNCTAD, UNESCO, UNMIT, UPU, WCO, WHO, WIPO, WMO, WTO
Diện tích:	692,7 km ² , gồm 64 đảo, 1 đảo lớn và 63 đảo nhỏ.
Khí hậu:	khí hậu nhiệt đới, nóng, độ ẩm cao và lượng mưa nhiều do vị trí của đảo nằm ngoài hải dương và gần đường xích đạo. Nhiệt độ trung bình: 26,70C; độ ẩm trung bình: 84,4%, lượng mưa trung bình trong năm: 2,359 mm.
Tài nguyên:	hải sản, cảng nước sâu
Thủ đô:	Singapore
Dân số:	6.2 triệu
Tuổi trung bình:	34.3 tuổi
Các dân tộc:	Trung Quốc 74.2%, Malay 13.3%, Ấn Độ 9.2%,
Tôn giáo:	Đạo Phật 33.9%, Đạo Hồi 14.3%, Taoist 11.3%, Hindu 5.2%, Catholic 7.1%, Thiên chúa 11%, không tôn giáo 16.4%.

Tỷ giá hối đoái: **USD/SGD** 1.39 (2017); 1.37 (2016); 1.37 (2015); 1.25 (2014), 1.25 (2013); 1.253 (2012), 1.234 (2011); 1.3635 (2010); 1.4545 (2009); 1.415 (2008)

2. Lịch sử

- Trong lịch sử, Singapore đã bị nhiều đế quốc đô hộ: Bồ Đào Nha (đầu thế kỷ 16 đến cuối thế kỷ 17); Hà Lan (đầu thế kỷ 17 đến 1819); Anh (từ 1819), Nhật Bản (1942 – 1945). Sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai, Anh trở lại chiếm Singapore và đã phải đồng ý cho Singapore thành lập bang tự trị ngày 03/6/1959. Tuy nhiên, Singapore chỉ được tự trị về đối nội, còn Anh vẫn nắm giữ các hoạt động về quốc phòng và ngoại giao.

- Ngày 16/9/1963, Singapore gia nhập liên bang Ma-lai-xi-a.

- Ngày 09/8/1965, Singapore tách khỏi Ma-lai-xi-a và thành lập nước Cộng hoà độc lập.

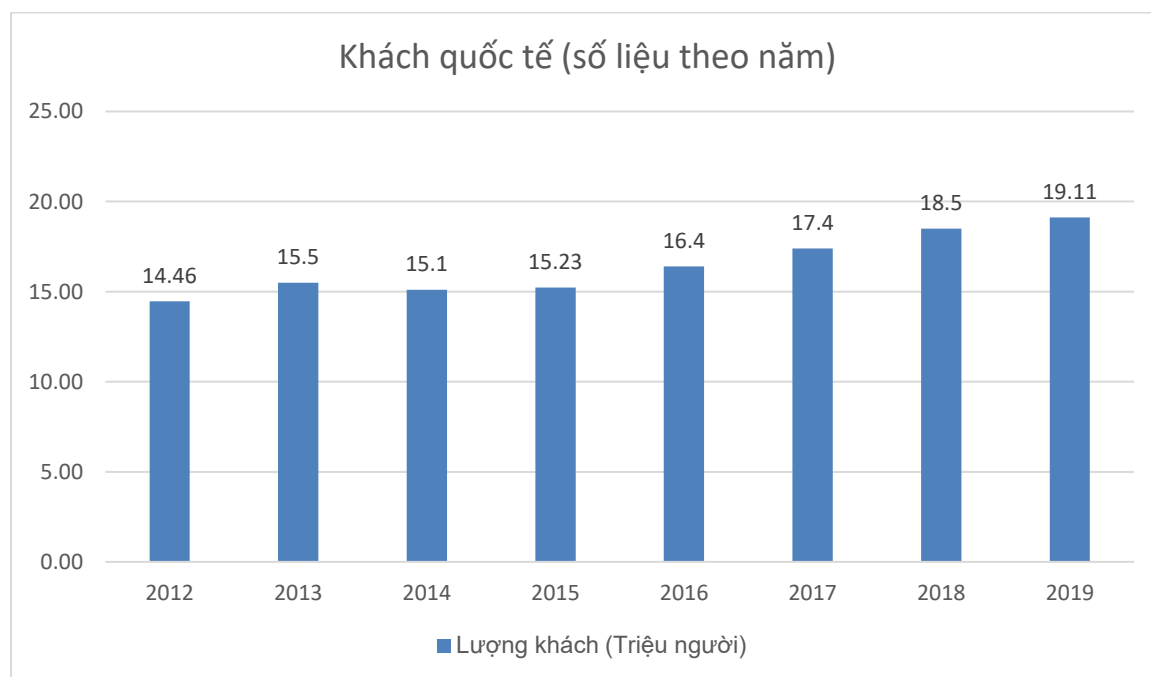
- Ngày 21/9/1965, Singapore gia nhập Liên Hiệp quốc.

Singapore sau đó đã trở thành một trong những quốc gia thịnh vượng nhất thế giới với liên kết kinh doanh quốc tế mạnh mẽ (cảng biển của Singapore là một trong những cảng bận rộn nhất của thế giới) và GDP bình quân đầu người ngang bằng với các quốc gia hàng đầu của Tây Âu.

3. Du lịch:

Năm 2019, lượng khách quốc tế đến Singapore đạt số kỷ lục 19.11 triệu, tăng trưởng mạnh mẽ hàng năm kể từ năm 2015. <https://www.statista.com/statistics/977993/total-international-visitor-arrivals-singapore/>

Số liệu du lịch các năm trước:





II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan:

Singapore hầu như không có tài nguyên, nguyên liệu đều phải nhập từ bên ngoài, hàng năm phải nhập lương thực, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu ở trong nước.

Singapore có cơ sở hạ tầng và một số ngành công nghiệp phát triển cao hàng đầu Châu Á và thế giới như: cảng biển, công nghiệp đóng và sửa chữa tàu, công nghiệp lọc dầu, chế biến, điện tử và lắp ráp máy móc tinh vi. Singapore có 12 khu vực công nghiệp lớn, trong đó lớn nhất là Khu công nghiệp Du-rông (Jurong). Singapore là nước hàng đầu về sản xuất ổ đĩa máy tính điện tử và hàng bán dẫn. Singapore còn là trung tâm lọc dầu và vận chuyển quá cảnh hàng đầu ở Châu Á.

Singapore cũng được coi là nước đi đầu trong việc chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức. Singapore đang thực hiện kế hoạch đến năm 2018 sẽ biến Singapore thành một thành phố hàng đầu thế giới, một đầu mối của mạng lưới mới trong nền kinh tế toàn cầu và Châu Á và một nền kinh tế đa dạng nhạy cảm kinh doanh.

Singapore có nền kinh tế thị trường tự do phát triển cao và rất thành công. Singapore được hưởng một môi trường kinh tế mở cửa và không có tham nhũng, giá cả ổn định, và thu nhập bình quân trên đầu người cao hơn so với hầu hết các nước phát triển khác. Nền kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào xuất khẩu, đặc biệt là các thiết bị điện tử tiêu dùng, sản phẩm công nghệ thông tin, dược phẩm, và lĩnh vực dịch vụ tài chính. GDP thực tế tăng trưởng trung bình 7,1% từ năm 2004 - 2007. Nền kinh tế sụt giảm 0,8% trong năm 2009 do hệ quả của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng lại hồi phục 14,5% trong năm 2010 và 5,3% trong năm 2011, với sức mạnh của xuất khẩu. Singapore tăng trưởng chậm dần trong các năm gần đây, lần lượt 2014 GDP đạt 3.3%, 2015 2% và 2016 chỉ đạt 1.7% do nhu cầu xuất khẩu yếu của nền kinh tế toàn cầu và sự tăng trưởng chậm của ngành sản xuất Singapore.

Về lâu dài, Chính phủ hy vọng sẽ thiết lập một lộ trình tăng trưởng mới tập trung vào nâng cao năng suất. Singapore đã thu hút được đầu tư lớn vào sản xuất dược phẩm và công nghệ y tế và sẽ tiếp tục nỗ lực để thiết lập Singapore là trung tâm tài chính và công nghệ cao của khu vực Đông Nam Á. Cuối năm 2015, Singapore đã cùng với các quốc gia Đông Nam Á khác thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Chính phủ Singapore đang nỗ lực tái cơ cấu nền kinh tế, dần xóa bỏ phụ thuộc vào lao động nước ngoài, nâng cao năng suất lao động và tăng lương cho người dân. Singapore thu hút được đầu tư lớn trong ngành dược phẩm, công nghệ y tế và đang nỗ lực củng cố vị trí trung tâm tài chính và công nghệ cao hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

Singapore cũng là một thành viên của TPP, RCEP với 9 thành viên khác của ASEAN và Úc, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và New Zealand.

2. Các chỉ số kinh tế:

No.	Các chỉ số	Thống kê theo tần suất	Thời điểm có số liệu	Số liệu
1	Tỷ giá - Currency	Ngày	1-3-2020	1.43
2	Thị trường Chứng khoán (điểm)	Ngày	1-3-2020	2422
3	Tốc độ tăng trưởng GDP - GDP Annual Growth Rate (%)	Quý	1-3-2020	-2.2
4	Tỷ lệ thất nghiệp - Unemployment Rate (%)	Quý	1-12-2019	2.3
5	Tỷ lệ lạm phát - Inflation Rate (%)	Tháng	1-2-2020	0.3
6	Tỷ lệ Lãi suất - Interest Rate (%)	Ngày	1-2-2020	1.26
7	Nợ chính phủ so với GDP - Government Debt to GDP (%)	Năm	1-12-2018	112
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp - Corporate Tax Rate (%)	Năm	1-12-2020	17
9	Thuế thu nhập cá nhân - Personal Income Tax Rate (%)	Năm	1-12-2020	22
10	Số người bị nhiễm - Coronavirus Cases (Persons)	Ngày	1-3-2020	844
11	Số người chết vì Virus Corona - Coronavirus Deaths (Persons)	Ngày	1-3-2020	3
12	Số người đã được chữa khỏi - Coronavirus Recovered (Persons)	Ngày	1-3-2020	212

3. Xuất khẩu

a. Thị trường Xuất khẩu chính

No.	Xuất khẩu đi các nước	Trị giá XK (Tỷ USD)	Số liệu năm
1	China	50.4	2018
2	Hong Kong	48.67	2018
3	Malaysia	44.89	2018
4	Indonesia	32.95	2018
5	United States	31.86	2018
6	Japan	19.99	2018
7	South Korea	15.65	2018
8	Thailand	15.56	2018
9	Australia	12.67	2018
10	India	12.33	2018
11	Vietnam	12.03	2018
12	Netherlands	8.91	2018
13	Philippines	7.95	2018
14	Germany	6.42	2018
15	Panama	6.23	2018
16	Belgium	5.1	2018

b. Mặt hàng xuất khẩu chính

No.	Xuất khẩu theo mặt hàng	Trị giá (Tỷ USD)	Số liệu năm
1	Thiết bị điện, điện tử	128.78	2018
2	Máy móc, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi	58.73	2018
3	Nhiên liệu, dầu, sản phẩm chưng cất	54.03	2018
4	Hàng hóa không được chỉ định theo loại	26.44	2018
5	Máy quang, ảnh, kỹ thuật, máy y tế	19.21	2018
6	Ngọc trai, đá quý, kim loại, tiền xu	16.99	2018
7	Hóa chất hữu cơ	16.89	2018
8	Nhựa	15.94	2018

9	Tinh dầu, nước hoa, mỹ phẩm, toileteries	8.37	2018
10	Dược phẩm	8.36	2018
11	Máy bay, tàu vũ trụ	7.38	2018
12	Sản phẩm hóa chất khác	6.35	2018

4. Nhập khẩu

a. Thị trường Nhập khẩu chính

No.	Thị trường Nhập khẩu chính	Giá trị (Tỷ USD)	Số liệu năm
1	China	49.63	2018
2	Malaysia	42.77	2018
3	United States	42.10	2018
4	Japan	22.15	2018
5	Indonesia	15.21	2018
6	South Korea	14.19	2018
7	Saudi Arabia	12.63	2018
8	France	11.43	2018
9	Switzerland	10.14	2018
10	Germany	10.12	2018
11	United Arab Emirates	9.69	2018
12	Thailand	8.29	2018
13	Philippines	7.82	2018
14	United Kingdom	7.72	2018
15	India	7.26	2018
16	Qatar	6.78	2018
17	Russia	5.76	2018
18	Australia	5.46	2018

b. Mặt hàng Nhập khẩu chính

No.	Các mặt hàng nhập khẩu chính	Giá trị Tỷ USD	Số liệu năm
1	Thiết bị điện, điện tử	101.6	2018
2	Nhiên liệu, dầu, sản phẩm chưng cất	87.88	2018



3	Máy móc, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi	53.09	2018
4	Ngọc trai, đá quý, kim loại, tiền xu	20.4	2018
5	Máy quang, ảnh, kỹ thuật, máy y tế	12.1	2018
6	Máy bay, tàu vũ trụ	11.77	2018
7	Nhựa	8.72	2018
8	Hóa chất hữu cơ	6.94	2018
9	Phương tiện khác ngoài đường sắt, xe điện	5.43	2018
10	Sản phẩm hóa chất khác	5.16	2018

III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:

1. Văn bản ký kết:

- + Hiệp định hàng hải thương mại (4/1992);
 - + Hiệp định về vận chuyển hàng không(4/1992);
 - + Hiệp định thương mại (9/1992);
 - + Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư (10/1992);
 - + Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường (14/5/1993);
 - + Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (3/1994);
 - + Hiệp định hợp tác về du lịch (8/1994);
- và một số thoả thuận hợp tác trên một số lĩnh vực như thanh niên (3/1995) và báo chí (01/1996), văn hoá thông tin (4/1998)...

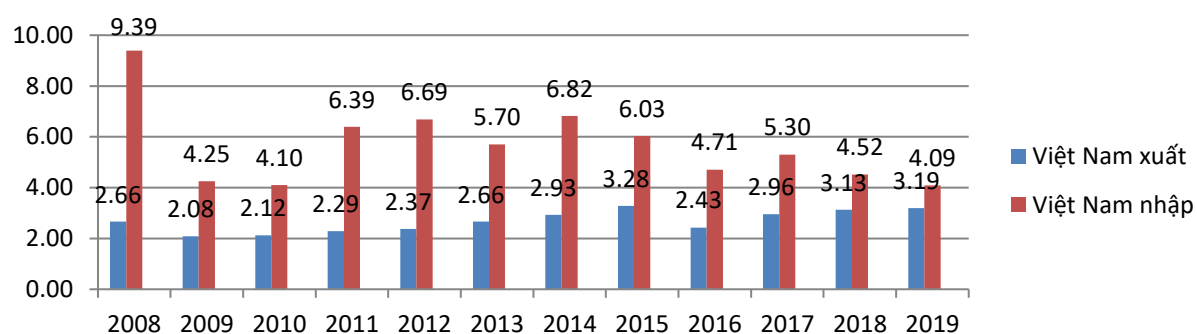
2. Hợp tác thương mại

- Kim ngạch buôn bán hàng năm với Việt Nam: (Đơn vị triệu USD)

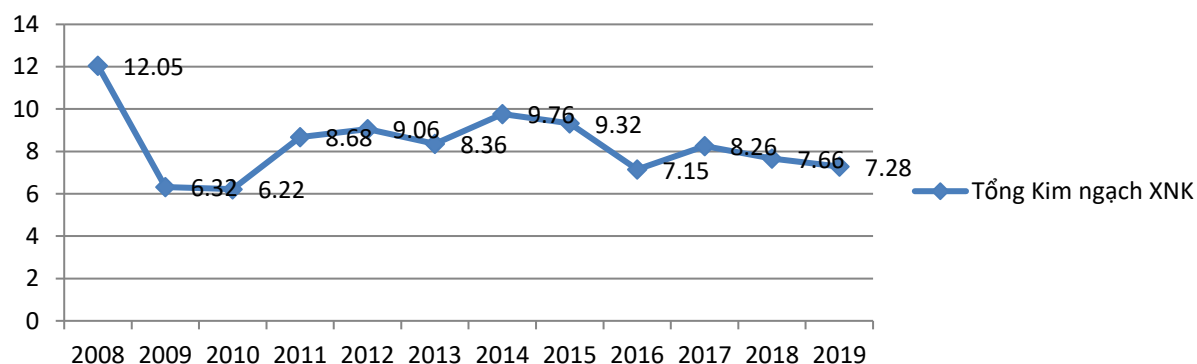
Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Tổng KN	Tỷ lệ tăng	XK chiếm
2008	2,659	9,392	12,052		22.10%
2009	2,076	4,248	6,324	-47.50%	32.80%
2010	2,121	4,101	6,222	-1.60%	34.10%
2011	2,285	6,390	8,676	39.40%	26.30%
2012	2,367	6,690	9,058	4.40%	26.34%
2013	2,662	5,702	8,364	-7.65%	31.8%

2014	2,932	6,827	9,759	17%	30%
2015	3,284	6,038	9,322	-4.48%	35.23%
2016	2,437	4,709	7,146	-23%	34%
2017	2,961	5,301	8,262	15.62%	35.84%
2018	3,138	4,523	7,661	-7.27%	40.96%
2019	3,197	4,091	7,288	-4.87%	43.87%

Biểu đồ XK và NK giữa VN và Singapore (tính theo tỷ USD)



Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Singapore (tính theo tỷ USD)



- Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính trong năm

VN Nhập khẩu từ Singapore	Triệu USD	Mức thay đổi % so với 2018
Xăng dầu các loại	1,208	-21.05
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	399	7.26
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	372	-27.20
Chất dẻo nguyên liệu	328	-3.81
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	311	11.87



Sản phẩm khác từ dầu mỏ	239	-4.78
Hoá chất	209	-7.52
Sản phẩm hoá chất	185	-5.61
Giấy các loại	120	-25.00
Sữa và sản phẩm sữa	94	-29.85

VN XK đi Singapore	Triệu USD	Mức thay đổi % so với 2018
Máy vi tính, Sản phẩm điện tử & linh kiện	519	-5.12
Máy móc thiết bị phụ tùng	385	-2.04
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	349	11.86
Phương tiện vận tải và phụ tùng	342	-13.2
Điện thoại và linh kiện	224	-23.29
Dầu thô	213	91.89
Xăng dầu các loại	103	68.85
Hàng Thủy sản	99	-11.61
Gạo	53	15.22

Năm 2016 chứng kiến sự sụt giảm mạnh trong thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Singapore. Nguyên nhân do:

- Giá đồng đô la Singapore SGD giảm so với USD so với năm 2015.
- Nền kinh tế của Singapore suy giảm trong năm 2016, chỉ đạt mức tăng trưởng 1,7%; thương mại hai chiều giữa Singapore và các đối tác chủ yếu đều giảm.
- Tổng nhu cầu nhập khẩu của Singapore cũng giảm gần 6%;
- Do giá dầu thế giới giảm sâu, không ổn định, xuất khẩu dầu thô của Việt Nam sang Singapore cũng giảm rất sâu (giảm gần 90%) so với năm 2015. Từ hơn 721 triệu USD năm 2015, mặt hàng dầu thô xuất khẩu đi Singapore 2016 chỉ còn đạt 76 triệu USD.
- Biến đổi khí hậu thất thường, gây ra hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng, cùng với sự cố môi trường khiến cá chết hàng loạt ở các tỉnh miền Trung đã gây ra ảnh hưởng tới xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang Singapore.
- Tăng trưởng kinh tế toàn cầu tăng nhẹ nhưng với tốc độ chậm lại, kinh tế Trung Quốc tiếp tục suy giảm, các nền kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật Bản và EU tăng trưởng yếu; giá cả hàng hóa thế giới vẫn ở mức thấp, thương mại và đầu tư toàn cầu kém sôi động, dòng vốn lưu chuyển đang giảm, cùng với biến động khó lường của thị trường tài chính, tiền tệ thế giới đã tác động đến kinh tế nước ta, nhất là hoạt động xuất khẩu.

Singapore là bạn hàng thương mại lớn nhất của Việt Nam trong ASEAN, kim ngạch thương mại hai nước Việt Nam – Singapore tăng theo từng năm, năm 2016 đạt 7,1 tỷ USD, sang năm 2017 thương mại giữa hai nước đạt 8.26 tỷ USD trong đó xuất khẩu đạt gần 3 tỷ USD và nhập khẩu 5.3 tỷ USD, như vậy Việt Nam đã nhập siêu từ Singapore khoảng 2,3 tỷ USD.



Sang năm 2019, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Singapore đạt 7.29 tỷ USD, giảm 4.87% so với năm 2018. Trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Singapore là 3.2 tỷ USD, chiếm gần 44% so với tổng kim ngạch.

3. Tình hình đầu tư:

Riêng năm 2019, Singapore có hơn 4.5 tỉ USD đầu tư vào Việt Nam. Trong đó có 296 dự án cấp mới với tổng số vốn hơn 2.1 tỷ USD; 90 lượt dự án tăng vốn với tổng số vốn tăng thêm 290 triệu USD; và 658 số lượt góp vốn, mua cổ phần với số vốn góp đạt 2.69 tỉ USD.

Tính lũy kế đến hết năm 2019, Singapore đã có 2,421 dự án đầu tư còn hiệu lực vào Việt Nam với tổng số vốn đăng ký lên tới 49.8 tỉ USD, đứng thứ 3 trong số hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam (sau Hàn Quốc và Nhật Bản) và đứng thứ 1 trong khu vực ASEAN.

Đáng chú ý, dòng vốn FDI của Singapore đã chảy vào 18/21 lĩnh vực kinh tế của Việt Nam; trong đó chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và hoạt động kinh doanh bất động sản. Hiện, các nhà đầu tư Singapore đã có mặt tại 46/63 tỉnh, thành phố của Việt Nam.

Việt Nam và Singapore còn rất nhiều dư địa để hai nước xúc tiến hợp tác trong thời gian tới, trong đó Singapore có thế mạnh về vốn còn Việt Nam thì lợi thế về tài nguyên, nguồn nhân lực... Hiện nay, Chính phủ Việt Nam đang thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường, công nghiệp chế biến....

4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:

Quan hệ hợp tác Việt Nam - Singapore trong gần 30 năm qua đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật. Singapore đã trở thành một trong những đối tác thương mại đầu tư hàng đầu của Việt Nam.

Du lịch là một trong những lĩnh vực hợp tác có nhiều tiềm năng. Việc hai nước miễn thị thực nhập cảnh cho nhau khẳng định sự phát triển mạnh mẽ của du lịch Việt Nam - Singapore. Cơ quan du lịch Singapore cũng là cơ quan du lịch quốc tế đầu tiên mở Văn phòng Đại diện tại Việt Nam, điều này đã thúc đẩy mạnh mẽ và làm tăng nhanh số khách du lịch từ Singapore sang Việt Nam và ngược lại.

Với mối quan hệ quốc tế rộng khắp và phát triển thông qua các chương trình hợp tác kỹ thuật, Singapore đã giúp Việt Nam đào tạo cán bộ trong những lĩnh vực quản lý xã hội, nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Theo thống kê chưa đầy đủ hiện có khoảng 3.000 sinh viên Việt Nam đang theo học tại các trường Đại học, cao đẳng, các cơ sở dạy nghề tại Singapore.

Trong lĩnh vực đầu tư, Singapore có mặt trong hầu hết ngành kinh tế của Việt Nam, từ thăm dò, khai thác dầu khí, sản xuất công nghiệp tới chế biến nông lâm hải sản và chủ yếu tập trung nhiều trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, dịch vụ và kinh doanh bất động sản. Nhiều dự án của Singapore hoạt động đạt hiệu quả cao đóng góp đáng kể trong việc giải quyết việc làm, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. như: Dự án công ty liên doanh cảng Container quốc tế tại VICT tại thành phố Hồ Chí Minh, Dự án khu công nghiệp Singapore tại Bình Dương (VSIP) là những dẫn chứng chứng minh sự đầu tư đúng hướng của các tập đoàn Singapore tại Việt Nam. Bộ Kế hoạch Đầu

tư tại Việt Nam mà đầu mối là Cục đầu tư nước ngoài (FIA) với Cục phát triển kinh tế Singapore (EDB) đã phối hợp lựa chọn các Dự án tích cực đem lại lợi ích cho hai bên và đẩy nhanh việc chấp thuận Dự án từ đó tạo sức hấp dẫn với các nhà đầu tư trên thế giới. Kết hợp lợi thế của Việt Nam và Singapore với đầu tư bằng nguồn vốn của nền kinh tế thứ ba sẽ tạo nên sự kết hợp mang tính cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài. Được biết hiện EDB đang đề xuất bốn Dự án thực hiện theo sáng kiến chung này.

Singapore là nước chủ nhà của hàng nghìn công ty quốc gia và được liên kết toàn cầu. Kết nối với Singapore thông qua sự liên kết có sẵn của nước này với phần còn lại của thế giới, Việt Nam có thể nhận được hiệu ứng tức thì gắn kết xuyên suốt toàn cầu từ các lĩnh vực viễn thông đến việc tiếp cận các quỹ tài trợ bảo đảm thông qua các công ty tài chính quốc tế. Hợp tác chặt chẽ với Singapore cũng có nghĩa là gắn kết chặt chẽ học hỏi được kinh nghiệm quý báu trong quản lý đất nước, phát triển công nghệ, ứng dụng khoa học và giáo dục hiện đại

5. Tập quán Kinh doanh:

Văn hoá kinh doanh của doanh nhân Singapore có tính cạnh tranh cao và đạo đức kinh doanh mạnh mẽ khác thường.

Trong văn hoá kinh doanh của Singapore, những quan hệ cá nhân thường được coi trọng hơn công ty mà bạn đại diện. Người Singapore thường có niềm tin mặc định đối với những người cùng dân tộc. Năng lực chuyên môn, thành tích và khả năng làm việc theo nhóm được đánh giá cao.

Lịch sự là phần không thể thiếu trong quan hệ kinh doanh thành công tại Singapore. Tuy nhiên lịch sự không ảnh hưởng tới việc quyết định kinh doanh của người Singapore.

Giống như người Việt Nam, người Singapore có thể hỏi đối tác những câu hỏi riêng tư về hôn nhân hay thu nhập. Bạn có thể từ chối trả lời một cách lịch sự, song nếu không trả lời những câu hỏi như vậy của người Singapore thì mối quan hệ có thể kém đi.

Tuổi tác và thâm niên được kính trọng trong văn hoá kinh doanh Singapore. Nếu bạn là thành viên của một đoàn đại biểu, thì thành viên quan trọng nhất phải được giới thiệu đầu tiên.

Khi ngồi nói chuyện với đối tác không nên ngồi chéo chân. Ra hiệu vẫy tay nên vẫy bằng tay phải với lòng bàn tay hướng xuống đất, các ngón tay hướng ra và vẫy lại.

Danh thiếp được trao đổi vào lúc bắt đầu cuộc gặp gỡ, ngay sau khi giới thiệu. Trao nhận danh thiếp nên bằng hai tay. Xem danh thiếp của đối tác một cách cẩn thận và cung kính. Không bao giờ được dùng tay trái khi trao đổi danh thiếp.

Danh thiếp nên được in bằng tiếng Anh (in nổi là tốt nhất). Do tỉ lệ doanh nhân Singapore là người Trung Quốc cao nên mặt sau danh thiếp nên dịch sang tiếng Trung. Màu vàng là màu ưa chuộng trên danh thiếp đối với người Hoa. Người Singapore rất nhiệt tình khi được trao đổi danh thiếp.



IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

1. Quan hệ ngoại giao:

Việt Nam và Singapore thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 01/8/1973. Tháng 12/1991, Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore và tháng 9/1992, Đại sứ quán Singapore tại Hà Nội được thành lập.

Tại cuộc hội đàm ngày 11/9/2013, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng và Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long đã tuyên bố chính thức nâng cấp quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam - Singapore thành Đối tác chiến lược.

2. Quan hệ chính trị:

Trước năm 1979, quan hệ hai nước phát triển tốt, đánh dấu bằng chuyến thăm chính thức Singapore (16 – 17/1/1978) của Thủ tướng Phạm Văn Đồng; hai bên ra Tuyên bố chung khẳng định những nguyên tắc chỉ đạo quan hệ hai nước. Giai đoạn 1979 – 1990, do có vấn đề Cam-pu-chia nên quan hệ hai nước không có tiến triển.

Từ năm 1991, cùng với chuyển biến chung của cục diện quốc tế và tình hình khu vực, đặc biệt là việc ký Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia năm 1991, cũng như tác động của chính sách đổi mới của ta, quan hệ hai nước được cải thiện nhanh chóng.

Sau khi Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali (7/1992) và trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN tháng 7/1995, quan hệ hai nước chuyển sang một giai đoạn phát triển mới về chất. Singapore rất coi trọng phát triển quan hệ hợp tác với Việt Nam và Việt Nam trở thành một trong những thị trường chính về hợp tác thương mại, đầu tư của Singapore ở Đông Nam Á.

Đặc biệt, trong chuyến thăm làm việc Singapore của Thủ tướng Phan Văn Khải (3/2004), hai bên đã ký "Tuyên bố chung về khuôn khổ hợp tác toàn diện trong thế kỷ 21", tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước.

V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Singapore vào ngày 19 tháng 12 năm 2003 tại Singapore

2. Các hoạt động đã triển khai

- Tháng 3 năm 2004, VCCI đã tổ chức thành công đoàn Doanh nghiệp tháp tùng Thủ tướng Phan Văn Khải sang thăm và làm việc tại Singapore. Trong khuôn khổ chuyến thăm này, VCCI đã tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Singapore.
- Tháng 12 năm 2005, tổ chức Những ngày Việt Nam tại Singapore, Diễn đàn Thương mại-Đầu tư-Du lịch Việt Nam-Singapore cũng được khai mạc tại Trung tâm Suntec City.



- Tháng 11 năm 2007, VCCI đã dẫn đầu đoàn doanh nghiệp tháp tùng Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tham dự Hội nghị Cấp cao ASEAN và Hội nghị Thượng đỉnh về Kinh doanh và Đầu tư ASEAN tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Singapore.
- Từ 30/11 – 2/12/2011, VCCI phối hợp với Liên đoàn Thương mại Singapore, Cục Phát triển Quốc tế Singapore, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Phụ nữ quốc tế Singapore tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Singapore 2011 lần thứ nhất tại Hà Nội.
- Từ 17 – 19 /4/2013, tại Tp. Hồ Chí Minh, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cùng với Liên đoàn Thương mại Singapore (SBF) đồng tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Singapore 2013 (VSBF 2013) .
- Trong năm 2014 và 2016, VCCI phối hợp với Cục Phát triển Doanh nghiệp Quốc tế Singapore (IE Singapore), Đại sứ quán Singapore tại Việt Nam, Liên đoàn Thương mại Singapore (SBF), Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam (MPI), Hội Doanh nghiệp Singapore (SBG), và Hiệp hội các Doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam (SBAV) tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Singapore tại Tp. HCM. Tại các sự kiện, doanh nghiệp hai nước quan tâm và thường xuyên thảo luận về các nội dung về Tài chính; Bất động sản (Bất động sản thương mại, công nghiệp, du lịch, dân dụng...); Giáo dục; Logistics; Du lịch; Sản xuất-Chế biến (nông, lâm, thủy sản); Phát triển nông nghiệp xanh, bền vững.
- Tháng 7/2019, VCCI và SBF ký Thỏa thuận hợp tác **thành lập Hội đồng Doanh nghiệp Việt Nam-Singapore** và tổ chức **Buổi Tọa đàm Giao lưu Doanh nghiệp Việt Nam – Singapore**.
- Tháng 1/2020, VCCI và SBF, DOJI phối hợp tổ chức **Kỳ họp Hội đồng Doanh nghiệp Việt Nam Singapore (VSBC) lần thứ 1**

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

❖ Đại sứ quán Cộng Hòa Singapore:

Đại sứ: H.E. Mdm. Catherine Wong Siow Ping

Phó Đại sứ: Mr Tan Weiming

Bí thư thứ 1 về kinh tế: Mr. Ng Kuan Khai

41 – 43 Tran Phu Str., Hanoi

Tel: +84-24-3848-9168, 3848-9170

Website:

http://www.mfa.gov.sg/content/mfa/overseasmission/hanoi/about_the_embassy.html

Email: singemb_han@mfa.sg

❖ Tổng lãnh sự quán Cộng hoà Singapore

Văn Phòng: 65 Lê Lợi, Sài Gòn Centre, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT. 8225173/ 4 - Fax. 8251600/ 8214766

Địa chỉ: Căn hộ 608 Sumerset Chancellor Court, 21 - 23 Nguyễn Thị Minh Khai.

ĐT. : 8229197

- ❖ **Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore:**
Bà Tào Thị Thanh Hương, Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền
Bà Trần Thu Quỳnh, Tham tán, Phụ trách Thương vụ

Địa chỉ: 10 Leedon Park, Singapore 267887

Điện thoại:

Văn phòng: (+65) 64625938

Lãnh sự: (+65) 64625994

Thương vụ: (+65) 64683747

Bộ phận Đầu tư: (+65) 66967709

Code: 00-65

Email: vnemb.sg@mofa.gov.vn

Website : <https://vnembassy-singapore.mofa.gov.vn/vi-vn/embassy/EmbassyStaffs/Trang/default.aspx>

- ❖ **SINGAPORE BUSINESS FEDERATION (SBF)**
Singapore Business Federation
10 Hoe Chiang Rd., #22-01 Keppel Tower, Singapore 089315
Tel: (65) 6827-6828
Fax: (65) 6827-6807
Email: info@sbf.org.sg
Website: www.sbf.org.sg

- ❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**
 - *Website *CIA – The World Factbook*
 - *Website *Bộ Ngoại giao Việt Nam*
 - *Website *Sứ quán tại Việt Nam*
 - *Website *Tổng cục Thống kê Việt Nam*
<http://www.oecd.org>
<https://tradingeconomics.com/>



PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Singapore

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU

Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
SINGAPO			214.518.475		3.197.755.279
Hàng thủy sản	USD		9.554.686		99.846.645
Hàng rau quả	USD		2.668.967		32.430.326
Hạt điều	Tấn	82	573.716	670	4.916.356
Cà phê	Tấn	79	277.566	854	2.980.569
Hạt tiêu	Tấn	31	78.779	826	2.111.397
Gạo	Tấn	9.948	5.367.225	100.474	53.390.628
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		1.336.734		14.085.160
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		184.567		3.157.645
Dầu thô	Tấn			410.941	213.792.560
Xăng dầu các loại	Tấn	39.032	18.101.182	227.365	103.205.332
Sản phẩm hóa chất	USD		1.292.607		15.237.978
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	297	426.303	1.963	3.091.235
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		1.910.648		19.993.440
Cao su	Tấn			152	222.215
Sản phẩm từ cao su	USD		280.354		2.491.590
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	USD		1.779.196		16.305.954
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		1.434.455		24.526.424
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		3.400.462		38.357.111
Hàng dệt, may	USD		8.988.992		97.304.626
Giày dép các loại	USD		7.839.138		87.374.271
Sản phẩm gốm, sứ	USD		107.269		1.579.770
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		35.149.379		349.203.579
Sắt thép các loại	Tấn	572	533.816	37.439	21.631.257
Sản phẩm từ sắt thép	USD		3.293.728		23.748.778
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		991.076		7.235.504
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		30.790.041		519.833.425
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		4.032.352		224.322.479
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		32.454.042		385.234.869
Dây điện và dây cáp điện	USD		2.547.024		74.812.154
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		11.786.492		342.540.588
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	USD		585.746		5.735.086
Hàng hóa khác	USD		26.751.932		407.056.329



Bảng 2. Nhập khẩu VN – Singapore

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
SINGAPO			356.727.550		4.091.074.543
Hàng thủy sản	USD		320.020		13.865.133
Sữa và sản phẩm sữa	USD		2.951.677		94.096.755
Hạt điều	Tấn			130	119.966
Dầu mỡ động thực vật	USD		126.714		1.769.225
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		1.418.236		12.464.696
Chế phẩm thực phẩm khác	USD		22.089.844		211.347.421
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		2.740.093		19.574.000
Quặng và khoáng sản khác	Tấn			12.647	3.018.916
Xăng dầu các loại	Tấn	164.853	86.936.802	2.150.607	1.208.488.271
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		28.063.555		239.049.459
Hóa chất	USD		15.288.521		209.496.439
Sản phẩm hóa chất	USD		15.269.722		185.111.126
Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD		38.454		1.034.706
Dược phẩm	USD		1.745.178		16.360.953
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	USD		30.170.209		311.170.171
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD		9.719.816		56.831.066
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	19.166	25.387.117	236.781	328.580.229
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		1.538.343		16.804.162
Sản phẩm từ cao su	USD		363.372		5.472.448
Giấy các loại	Tấn	9.350	11.093.554	61.600	120.710.305
Sản phẩm từ giấy	USD		232.772		2.295.500
Bông các loại	Tấn			545	1.063.540
Vải các loại	USD		120.015		2.756.829
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		196.366		9.101.353
Phế liệu sắt thép	Tấn	17.205	4.549.630	125.808	38.812.048
Sắt thép các loại	Tấn	663	288.329	2.328	2.351.756
Sản phẩm từ sắt thép	USD		1.158.035		23.646.720
Kim loại thường khác	Tấn	257	1.159.096	3.312	14.877.894
Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		777.758		3.551.569
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		45.890.646		372.090.840
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		32.404.519		399.516.344
Dây điện và dây cáp điện	USD		434.991		9.115.097
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD		643.678		1.955.760
Hàng hóa khác	USD		13.610.488		154.573.844